TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 6 - 2024.
Về: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khon Sốc;
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa*:** Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024 về: *"Tranh chấp ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXX- DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chau N, sinh năm: 1997; địa chỉ cư trú: Tổ F, ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Néang Sóc P, sinh năm: 2000; địa chỉ cư trú: Tổ F, ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa có mặt ông N, vắng mặt bà P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 19/3/2024 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Chau N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà P được hình thành là do tự tìm hiểu, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2020, hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 20/02/2020 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh An Giang. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bởi bà P có quan hệ quen biết với người khác, ông khuyên ngăn nhưng bà không nghe rồi gây cải nhau và cứ vậy xảy ra nhiều lần, đến tháng 8/20123 thì ly thân nhau đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình có đứng

ra hàn gắn nhưng không thành. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà P.

Về quan hệ con chung: Ông với bà P có 01 con chung tên Chau Rô N1, sinh ngày 15/12/2021, hiện do bà P nuôi. Khi ly hôn ông đồng ý giao con cho bà P nuôi, ông xin không cấp dưỡng nuôi con,

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà P có 02 lượng vàng 24 kra 9999, hiện do bà P quản lý. Khi ly hôn ông yêu cầu chia đôi số tài sản này. Ngoài ra không có tài sản nào khác.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà P không có nợ chung.

Bị đơn bà Néang Sóc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông N được hình thành đúng như ông N trình bày. Nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là quá trình chung sống bà có quan biết với bạn bè làm chung, nên tới lui giao lưu thì ông N tỏ ra ghen tuông, rồi gây cải và ly thân nhau từ tháng 8/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân đúng là gia đình có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay với thái độ kiên quyết của ông N thì khã năng hàn gắn lại là không thể, nên bà đồng ý ly hôn với ông N.

Về quan hệ con chung: Đúng là bà với ông N có 01 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như ông N trình bày. Khi ly hôn, bà đồng ý tiếp tục nuôi, nhưng ông N phải phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Chau Rô N1 đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: Thống nhất với trình bày của ông N là có 02 lượng vàng 24 kra 9999, hiện do bà quản lý. Khi ly hôn bà không đồng ý chia mà yêu cầu giữ lại để nuôi con.

Về quan hệ nợ chung: Đúng là bà với ông N không có nợ chung.

Giai đoạn hòa giải, hai bên thống nhất: Ly hôn giao con chung cho bà P tiếp nuôi và tài sản chung có 02 lượng vàng 24 kra 9999 có trị giá bằng 140.000.000 đồng, khấu trừ chi phí nuôi con từ tháng 8/2023 đến tháng 4/2024 bằng 09 tháng với mỗi tháng 2.000.000 đồng = 18.000.000 đồng còn lại 122.000.000 đồng, ông N yêu cầu chia đôi phần tài sản này, nhưng bà P không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông N bảo lưu ý kiến của mình; riêng bà P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa ông N – bà P, giao cháu Chau Rô N1 cho bà P tiếp tục nuôi và buộc ông N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; riêng tài sản chung còn lại 122.000.000 đồng, hiện bà P quản lý, đề nghị buộc bà P hoàn trả lại cho ông N 61.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Ông N khởi kiện: "Tranh chấp ly hôn" với bà P, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà P có địa chỉ cư trú tại huyện T, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn giải quyết thẩm quyền. Tại phiên tòa, bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX xét xử vắng mặt bà P theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông N – bà P kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2020, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh An Giang ngày 20/02/2020, nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông N bảo lưu ý kiến của mình thể hiện do bà P có quan hệ quen biết với người khác, ông khuyên ngăn nhưng bà không nghe rồi gây cải nhau, còn bà P thì cho rằng chỉ quan hệ bạn bè do làm chung, nhưng ông N ghen tuông vô cớ… Xét thấy mâu thuẫn giữa hai người đã thật sự trầm trọng, trong quan hệ giao tiếp hai người đã bất đồng mà không tự chia sẽ cho nhau, mâu thuẫn phát sinh không chỉ xảy ra trong thời gian ngắn mà kéo dài, dẫn đến ly thân hơn gần 10 tháng nay, trong thời gian ly thân gia đình đứng ra hàn gắn nhưng không thành và tại phiên tòa cả ông N – bà P cùng xác định là không thể đoàn tụ lại. Do đó HĐXX nghĩ nên công nhận thuận tình ly hôn giữa ông N – bà P.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét cháu Chau Rô N1, sinh ngày 15/12/2021 từ trước đến nay là do bà P nuôi, tình cảm giữa bà P với cháu N1 thật sự gắn bó, hiện cháu N1 cũng được gia đình chăm sóc chu đáo, hơn nữa tính đến nay chau N1 chưa đủ 36 tháng tuổi là rất cần sự chăm sóc của người mẹ, do đó để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như để cháu N1 phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên công nhận thỏa thuận về giao cháu N1 cho bà P tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, việc cấp dưỡng là thể hiện nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên và tại Tòa bà P có yêu cầu, nên ông N phải có nghĩa vụ phải cấp dưỡng.

Về mức cấp dưỡng: Tại biên bản ngày 23/5/2024, bà P khai chi phí nuôi con mỗi tháng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng và bà P yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Với mức chi phí này bằng với mức chi phi nuôi con đã được ông N thừa nhận, nên yêu cầu của bà P là có căn cứ, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà P.

HĐXX cũng giải thích cho bà P biết: Trong thời gian nuôi con, bà cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về quan hệ tài sản chung:*

Ông N – bà P thống nhất có 02 lượng vàng 24 kra 9999 và quy ra trị giá bằng tiền 140.000.000 đồng. Ông N – bà P cũng thống nhất sau khi khấu trừ chi phí nuôi

con 09 tháng 18.000.000 đồng còn lại 122.000.000 đồng và hiện bà P quản lý. Tuy nhiên, bà P yêu cầu giữ lại để nuôi con mà không đồng ý chia cho ông N là không chấp nhận; bởi, theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và Gia đình quy định: *Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định thì việc giải quyết tài sản do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận thì theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc của hai vợ chồng, Tòa án giải quyết theo quy định…. Và theo khoản 2 Điều 59 thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi..* Do đó, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông N, buộc bà P hoàn trả lại cho ông N ½ của 122.000.000 đồng = 61.000.000 đồng là phù hợp.

[5]. *Về quan hệ nợ chung*: Ông N – bà P xác định không có nợ chung, nên HĐXX không đề cặp xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Ông Châu N2 là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông N2 còn phải chịu án phần tài sản được chia (61.000.000 đồng), theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà P phải chịu án đối với phần tài sản được chia 61.000.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 33, 38, 59 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Chau N.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Chau N với bà Néang Sóc P.

Về quan hệ con chung: Bà N3 Sóc Phiếp được tiếp tục nuôi con chung tên Chau Rô N1, sinh ngày 15/12/2021.

Buộc ông Chau N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 7/2024 đến khai cháu Chau Rô N1 đủ 18 tuổi.

Bà Néang Sóc P cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông C NôUnHU2ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà N3 Sóc Phiếp tiếp tục sở hữu 122.000.000đồng. Buộc bà P hoàn trả lại cho ông Châu N2 61.000.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải Thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Chau N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.050.000 đồng án phí dân sự chia tài sản chung. Tổng cộng án phí ông Chau N phải chịu 3.650.000.000 đồng, được khấu trừ vào 1.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012423 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án Tri Tôn, phần còn lại 1.850.000.000 đồng, ông Chau N phải nộp thêm. Bà Néang Sóc P phải chịu 3.50.000 đồng án phí dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã Vĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ